

Số: 663/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn  
ngành Kinh tế số - trình độ đại học

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Học viện;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-HVCSPT ngày 12/05/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo hệ chuẩn ngành Kinh tế số - trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ Khóa 12 tuyển sinh năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Viện/Bộ môn, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 663/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 8 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo: **Kinh tế số**

Mã số: **7310112**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Chuyên ngành: **Kinh tế và Kinh doanh số**

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế và kinh doanh số có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao phẩm chất chính trị; đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho học viên.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành kinh tế và kinh doanh số tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ tuân theo qui định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tức là phải hướng đến các mục tiêu sau:

+ Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, công nghệ thông tin và quản lý kinh tế, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số.

+ Đào tạo những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và thương mại dựa trên nền tảng số; marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số.

+ Đào tạo cho người học kiến thức về thiết kế, vận hành và khai thác các công cụ trên nền tảng web để phát triển kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

+ Đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số.

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

### **1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học**

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc ngành Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Về kiến thức**

#### **2.1.1. Kiến thức cơ bản**

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *2.1.2. Kiến thức chuyên sâu*

[6]. Có sự am hiểu về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

[7]. Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.

[8]. Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

[9]. Biết vận dụng các kiến thức về dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu để phục vụ cho quá trình chuyển đổi số cũng như các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

### **2.2. Về kỹ năng**

#### *2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

[10]. Kỹ năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong xây dựng, tổ chức, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức kinh tế trong thời đại số;

[11]. Kỹ năng về quay phim, chụp ảnh, biên tập nội dung để tạo sự kiện truyền thông cho các tổ chức, doanh nghiệp.

#### *2.2.2. Kỹ năng mềm*

[12]. Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[13]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

### **2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

[14]. Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[15]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực khoa học dữ liệu ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu.

[16]. Sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>																			
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	X																
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X																
3	THKT05	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X																
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X																
5	THLS07	Lịch sử ĐCS Việt Nam	X																
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X		X			X							X				
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		X															
8	TOĐC06	Tin học đại cương			X						X								
9	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2															X		
10	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3															X		
11	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4															X		
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			X			X											



26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số																	X		
27	KHMA04	Marketing căn bản							X												
<b>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</b>																					
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán							X										X		
29	QTHO06	Quản trị học							X												X
30	QTCC01	Quan hệ công chúng							X												X
31	KHĐT05	Kinh tế đầu tư								X											
32	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế							X												
33	ĐNTM08	Thương mại quốc tế																	X		
34	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế							X											X	X
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>																					
<b>2.2.1. Ngành bắt buộc</b>																					
35	LUKT01	Pháp luật kinh tế												X						X	X
36	QTMA09	Quản trị Marketing																	X		X
37	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu																	X		
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp																	X		X
39	QTKD14	Thương mại điện tử																			







4. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ
6. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ
9. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>	<b>41</b>	<b>15</b>	<b>31.5%</b>
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>89</b>	<b>29-30</b>	<b>68.5%</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>29</b>	<b>10</b>	<b>22.3%</b>
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>26</b>	<b>9</b>	<b>20.0%</b>
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>24</b>	<b>8-9</b>	<b>18.5%</b>
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3-4	6,9%
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>7.7%</b>
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC &amp; GDQP)</b>	<b>130</b>	<b>44-45</b>	<b>100%</b>

## 10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
<b>2. Giáo dục quốc phòng</b>			<b>8</b>	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
<b>3. Giáo dục thể chất</b>			<b>6</b>	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
<b>4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)</b>			<b>20</b>	
1	KTKD01	Lập trình căn bản	3	3
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD	3	3
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
6	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2	4
7	CSCS11	Chính sách công	3	3
<b>5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 3 môn theo từng khối)</b>			<b>9</b>	
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
2	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	5
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
4	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
6	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5

7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
<b>6. Kiến thức Ngành (Bắt buộc)</b>			<b>17</b>	
1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
2	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	4
3	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTMA09	Quản trị Marketing	3	5
5	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
<b>7. Kiến thức Ngành (Lựa chọn 3 môn theo từng khối)</b>			<b>9</b>	
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	KTKD09	Thanh toán điện tử	3	6
3	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	3	5
4	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	3	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	5
6	KTKD10	Mạng máy tính và truyền thông số	3	6
7	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
<b>8. Chuyên ngành (Bắt buộc)</b>			<b>15</b>	
1	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	3	5
2	KTKD05	Chuyển đổi số	3	7
3	LUKT18	Luật thương mại	3	7
4	QTDM01	Marketing số	3	6
5	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	7
<b>9. Chuyên ngành (Lựa chọn 3-4 môn theo từng khối)</b>			<b>9</b>	
1	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2	6
2	KTKD11	Khoa học quản lý	2	7
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	2	7
4	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực	3	6
5	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3	6
6	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	6
7	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3	7
8	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
9	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	7
<b>10. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
<b>TỔNG</b>			<b>130</b>	

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 663 /QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 8 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

Ngành đào tạo: **Kinh tế số**

Mã số: **7310112**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Chuyên ngành: **Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao phẩm chất chính trị; đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho học viên.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Phân tích dữ liệu lớn kinh tế và kinh doanh tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ tuân theo qui định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tức là phải hướng đến các mục tiêu sau:

+ Có kiến thức cơ bản kinh tế và kinh doanh; hiểu được sự vận động của nền kinh tế và các mô hình kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp về công nghệ tài chính và các doanh nghiệp kinh doanh trên nền tảng số;

+ Có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ quản trị và phân tích dữ liệu lớn như SQL Server, Spark, Tableau, Power BI, Python, R,...

+ Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, khai thác các công cụ thống kê và triển khai các phần mềm chuyên dụng để phân tích dữ liệu trong lĩnh vực kinh tế và kinh

doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;

- + Có khả năng phân tích dữ liệu chuyên sâu với các phương pháp của khai phá dữ liệu, học máy, trí tuệ nhân tạo;

- + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, phát triển tư duy hệ thống, tư duy phản biện;

- + Có kỹ năng viết báo cáo phân tích, thuyết trình và làm việc theo nhóm;

- + Có kỹ năng truyền thông trong môi trường số;

- + Trên cơ sở nguồn dữ liệu hiện có, cử nhân chuyên ngành “Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh” sẽ đánh giá và đề xuất các giải pháp kinh tế - kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp;

- + Có tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc;

- + Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc;

- + Có ý thức tự giác chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Có ý thức quan tâm đến cộng đồng. Chủ động, tích cực tham gia hoạt động chính trị, xã hội và các đoàn thể.

### ***1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học***

- + Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

- + Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

### ***1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường***

- + Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

- + Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc Ngành Khoa học dữ liệu với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

- + Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Về kiến thức**

#### *2.1.1. Kiến thức cơ bản*

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *2.1.2. Kiến thức chuyên sâu*

[6]. Sử dụng tốt hệ quản trị cơ sở dữ liệu như SQL Server, Spark và các ngôn ngữ lập trình như R, Python, SQL cho xử lý và phân tích dữ liệu, đặc biệt là các dữ liệu trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.

[7]. Hiểu và vận dụng tốt các kiến thức về công nghệ tài chính, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trên nền tảng số để góp phần phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số.

[8]. Hiểu và vận dụng các kiến thức về trí tuệ nhân tạo và phương pháp khai phá dữ liệu (Data Mining), học máy (Machine Learning) cho phân tích dữ liệu, dữ liệu lớn.

[9]. Có khả năng xây dựng và phát triển các mô hình phân tích dữ liệu lớn và phức tạp, đề xuất các biện pháp, đề xuất các chính sách, quy định thực hiện nhằm tăng hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh cho các tổ chức, doanh nghiệp.

### **2.2. Về kỹ năng**

#### *2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

[10]. Kỹ năng về công nghệ thông tin: Sử dụng thành thạo các công cụ, các phần mềm để quản trị và chiết xuất thông tin, phát hiện xu hướng tiềm ẩn, tri thức mới trong dữ liệu.

[11]. Kỹ năng phân tích: vận dụng các kiến thức về thống kê, quản lý kinh tế, kinh doanh để dự báo, tư vấn, đề xuất các giải pháp quản trị, giải pháp kinh doanh cho tổ chức, doanh nghiệp ngày càng phát triển.

[12]. Kỹ năng nghiên cứu: Biết đề xuất, triển khai, viết báo cáo nghiên cứu khoa học về một vấn đề thực tiễn phát sinh trong tổ chức hay doanh nghiệp.

### *2.2.2. Kỹ năng mềm*

[13]. Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[14]. Có kỹ năng quay phim, chụp ảnh, biên tập nội dung để tạo sự kiện truyền thông cho các tổ chức, doanh nghiệp.

[15]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

### *2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

[16]. Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[17]. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực khoa học dữ liệu ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu.

[18]. Sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn; luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.



3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>																				
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	X																	
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X																	
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X																	
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X																	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X																	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học			X									X						
7	THLG01	Pháp luật đại cương		X														X		
8	TODC06	Tin học đại cương			X					X										
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2												X						
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3												X						
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4												X						
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			X															

<b>13</b>	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1																																						
<b>14</b>	TOCC05	Toán cao cấp																																						
<b>15</b>	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán																																						
<b>16</b>	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1																																						
<b>17</b>	GDQP02	Giáo dục quốc phòng																																						
<b>18</b>	GDTTC08	Giáo dục thể chất 1																																						
<b>19</b>	GDTTC06	Giáo dục thể chất 2																																						
<b>20</b>	GDTTC07	Giáo dục thể chất 3																																						
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>																																								
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>																																								
<b>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</b>																																								
<b>21</b>	KTKD01	Lập trình căn bản																																						
<b>22</b>	PTDL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh																																						
<b>23</b>	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ																																						
<b>24</b>	TOKT05	Kinh tế lượng																																						
<b>25</b>	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số																																						
<b>26</b>	QTMC02	Marketing căn bản																																						

27	CSCS11	Chính sách công																									
<i><b>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn (3 trong 7 học phần)</b></i>																											
28	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu								X							X										
29	TCKT01	Nguyên lý kế toán								X									X								
30	QTHO06	Quản trị học								X									X								
31	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế								X									X								
32	KHĐT05	Kinh tế đầu tư								X									X								
33	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế								X									X				X				
34	ĐNTM08	Thương mại quốc tế								X									X								
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>																											
<i><b>2.2.1. Ngành bắt buộc</b></i>																											
35	QTKD14	Thương mại điện tử								X								X									
36	LUKT01	Pháp luật kinh tế								X									X								
37	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu								X									X								
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp								X									X								
39	QTMA09	Quản trị Marketing								X									X								
40	QLCD01	Chuyên đề thực tế								X									X								

<b>2.2.2. Ngành tự chọn (chọn 3 học phần)</b>													
<b>41</b>	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python										X	
<b>42</b>	TCTO11	Toán tài chính								X			
<b>43</b>	PTDL07	Phân tích thống kê nhiều chiều								X			
<b>44</b>	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính								X			
<b>45</b>	TCKH04	Kế toán tài chính								X			
<b>46</b>	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính								X			
<b>47</b>	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo								X		X	X
<b>48</b>	TCCCK25	Thị trường chứng khoán								X			
<b>49</b>	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư								X			
<b>50</b>	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo								X		X	X
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>													
<b>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</b>													
<b>51</b>	TCCN01	Công nghệ tài chính								X			
<b>52</b>	PTDL09	Quan trị dữ liệu lớn với Apache Spark										X	X
<b>53</b>	PTDL10	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh										X	X



4. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ
6. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ
9. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>	<b>41</b>	<b>15</b>	<b>31.5%</b>
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>89</b>	<b>31</b>	<b>68.5%</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>29</b>	<b>10</b>	<b>22.3%</b>
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>26</b>	<b>9</b>	<b>20.0%</b>
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>24</b>	<b>8-9</b>	<b>18.5%</b>
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3-4	6,9%
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>7.7%</b>
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC &amp; GDQP)</b>	<b>130</b>	<b>46</b>	<b>100%</b>

**10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh**

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kì giảng dạy
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
<b>2. Giáo dục quốc phòng</b>			<b>8</b>	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
<b>3. Giáo dục thể chất</b>			<b>6</b>	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
<b>4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)</b>			<b>20</b>	
1	KTKD01	Lập trình căn bản	3	3
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD	3	4
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
6	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2	4
7	CSCS11	Chính sách công	3	3
<b>5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 3 học phần)</b>			<b>9</b>	
1	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
3	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	3	4
4	QTHO06	Quản trị học	3	4
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4

6	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
<b>6. Kiến thức Ngành (Bắt buộc)</b>			<b>17</b>	
1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
2	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	4
3	QTMA09	Quản trị Marketing	3	6
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
5	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	4
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
<b>7. Kiến thức Ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ theo khối môn)</b>			<b>9</b>	
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3	6
3	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	3	7
4	PTDL05	Nhập môn lập trình PTDL với Python	3	4
5	TCTO11	Toán tài chính	3	5
6	PTDL07	Phân tích thống kê nhiều chiều	3	6
7	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	7
8	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
9	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
<b>8. Chuyên ngành (Bắt buộc)</b>			<b>15</b>	
1	PTDL10	Học máy và trí tuệ nhân tạo	3	7
2	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với R	3	7
3	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark	3	6
4	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	7
5	PTDL09	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh	3	6
<b>9. Chuyên ngành (Lựa chọn 3-4 môn theo khối)</b>			<b>9</b>	
1	PTDL03	Logic Toán	2	5
2	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2	6
3	KTKD11	Khoa học quản lý	2	7
4	QTDM01	Marketing số	3	6
5	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	6
6	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3	7
7	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	6
8	KTKD05	Chuyển đổi số	3	7
9	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	6
<b>10. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	
1	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp	6	8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
<b>TỔNG</b>			<b>130</b>	